

HÀNH VI LÀM CHA MẸ NHƯ YẾU TỐ DỰ BÁO CHO HÀNH VI LỆCH CHUẨN HỌC ĐƯỜNG Ở THANH THIẾU NIÊN

Trần Thu Hương

Trần Thu Hương

Lê Ngọc Lan

Nguyễn Thị Minh

Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

TÓM TẮT

Thanh thiếu niên là một giai đoạn lứa tuổi có nhiều biến đổi nhanh chóng cả về thể chất lẫn tinh thần. Điều này khiến cho thanh thiếu niên dễ hình thành các hành vi nguy cơ lệch ra khỏi chuẩn mực hành vi thông thường, nhất là những chuẩn mực tại nhà trường. Hành vi giáo dục của bố mẹ, hay nói rộng ra là sự giáo dục của gia đình, được nhiều tác giả xem xét như một chỉ báo quan trọng về những hành vi lệch chuẩn và chống đối xã hội. Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện trên 705 thanh thiếu niên và được đo lường dựa trên hai thang đo: Thang đo Hành vi làm cha mẹ (Barber và cộng sự, 2005) và Bảng kiểm Hành vi lệch chuẩn do thanh thiếu niên tự báo cáo (Elliot, Huizinga và Agenton, 1985; Junger-Tas, Terlouw và Klein, 1994; Ni-He và Marshall, 2012). Các thang đo và tiểu thang đo hành vi làm cha mẹ, hành vi lệch chuẩn ở thanh thiếu niên đều có tương quan có ý nghĩa. Các khía cạnh hành vi làm cha mẹ có vai trò dự báo cho những biến đổi của các hành vi lệch chuẩn ở thanh thiếu niên. Vai trò này càng được khẳng định khi có sự kết hợp của một số biến độc lập như đặc điểm giới tính, môi trường trường học, tình trạng hôn nhân của bố mẹ, kết quả học tập và thứ tự con trong nhà. Hành vi hỗ trợ tự chủ cao và sự kiểm soát tâm lý lỏng lẻo của bố mẹ, đặc biệt là các biểu hiện hành vi từ mẹ, dự báo sự giảm đi các hành vi lệch chuẩn ở thanh thiếu niên. Các giải pháp làm giảm thiểu hành vi lệch chuẩn học đường cần quan tâm đến những biến số này.

Từ khóa: *Hành vi làm cha mẹ; Hành vi lệch chuẩn; Hành vi lệch chuẩn học đường; Thanh thiếu niên.*

Ngày nhận bài: 31/7/2021; Ngày duyệt đăng bài: 25/12/2021.

1. Đặt vấn đề

Ngay từ những năm đầu thế kỷ XX, các nhà nghiên cứu trên thế giới đã khẳng định thanh thiếu niên là một giai đoạn phát triển chứa đầy mâu thuẫn và

nhiều loạn (Hall, 1904), với sự gia tăng của nhiều hành vi chống đối xã hội, hành vi nguy cơ và những hành vi đó đạt đến mức cao nhất ở cuối giai đoạn này hay ở đầu giai đoạn tuổi trưởng thành (Laird và Frazer, 2019). Những nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng thanh thiếu niên thường dễ bị ảnh hưởng bởi những hành vi tiêu cực và nguy cơ. Các vấn đề của thanh thiếu niên không chỉ giới hạn ở một vùng miền, một quốc gia hay một dân tộc mà trở thành một xu hướng trên khắp thế giới (Snyder và Sickmund, 1995). Một số nhà nghiên cứu đã chỉ ra các khó khăn tâm lý, biểu hiện của nhân cách chưa ổn định ở thanh thiếu niên như: Cảm xúc thất thường; Nhận thức về các chuẩn mực đạo đức chưa ổn định, chưa đầy đủ; Khả năng tự đánh giá bản thân hạn chế; Tính cách có nhiều mâu thuẫn, thiếu nhất quán. Chính những điều này làm cho thanh thiếu niên dễ có những hành vi nguy cơ, lệch ra khỏi chuẩn mực và dễ bị lạm dụng như bị lạm dụng tình dục, có thai ngoài ý muốn, sử dụng chất kích thích (rượu, ma túy, hút thuốc...), vi phạm pháp luật, bạo lực học đường, nghiện game... (Trương Thị Khánh Hà, 2013).

Theo Từ điển Tâm lý học của Hiệp hội Tâm lý học Mỹ, lệch chuẩn được xác định là *“bất kỳ hành vi nào lệch một cách có ý nghĩa ra khỏi những điều được xem là phù hợp hay điển hình cho một nhóm xã hội nhất định”* (VanDen-Bos, 2007, tr. 276 - dẫn theo Sanches và cộng sự, 2016). Như vậy, hành vi lệch chuẩn được coi như bất kỳ hành vi nào không phù hợp với những quy tắc được thiết lập trong một nhóm xã hội hay trong một xã hội theo nghĩa rộng (Idris, 2016; Orsati và Causton-Theoharis, 2013; Vieno và cộng sự, 2011). Hành vi lệch chuẩn là một hành động xung đột với những chuẩn mực xã hội; đó có thể là hành vi phạm tội, hành vi chống đối xã hội và phi đạo đức. Ở thanh thiếu niên, các hành vi lệch chuẩn có thể được liệt kê là hành vi gây gổ, tấn công người khác, hút thuốc, bắt nạt, bạo lực... Nguyên nhân của những hành vi đó không chỉ xuất phát từ sự rối loạn trong gia đình mà còn từ sự rối loạn trong xã hội và theo từng quốc gia.

Hành vi lệch chuẩn học đường được hiểu là những hành vi không phù hợp với chuẩn mực học đường, đã được quy định trong Luật Giáo dục và những nội quy, quy chế được nhà trường đặt ra về trách nhiệm và nghĩa vụ của học sinh.

Theo Bolu-Steve và Esere (2017), thanh thiếu niên thường khó tuân thủ những “thói quen” của xã hội bởi họ đang ở trong một giai đoạn có nhiều biến đổi mạnh mẽ về trí tuệ, cảm xúc, thể chất, các đặc trưng giới tính và sự trưởng thành tính dục. Chính bởi vậy, không ít câu hỏi được đặt ra cho các nhà nghiên cứu khi xem xét hành vi lệch chuẩn ở thanh thiếu niên: Liệu có phải nhà trường thất bại trong giải quyết các hành vi lệch chuẩn của học sinh? Liệu cha mẹ và gia đình có phải chịu trách nhiệm một phần đối với những hành vi lệch

chuẩn ở thanh thiếu niên? Những yếu tố nào đã tác động tới diễn biến của các hành vi lệch chuẩn ở thanh thiếu niên? Chỉ khi những câu hỏi này được trả lời một cách thích đáng thì các hành vi lệch chuẩn ở thanh thiếu niên mới có thể được giảm thiểu.

Tỷ lệ gia tăng các vấn đề xã hội và hành vi ở thanh thiếu niên đã làm ảnh hưởng tới sự tín nhiệm của nhà trường với tư cách là nơi giáo dục tinh thần đạo đức tích cực cho lớp trẻ. Bất chấp những chỉ dẫn và điều chỉnh của nhà trường, tỷ lệ học sinh có những hành vi tiêu cực và trốn học vẫn gia tăng dù đó là ở nông thôn hay thành thị (Farrington, 1989). Những nghiên cứu trước đây cho thấy môi trường có một vai trò nhất định trong sự phát triển của thanh thiếu niên; trong đó, gia đình là môi trường giáo dục quan trọng có tính trực tiếp nhất, với cốt lõi của nó là các khía cạnh hành vi làm cha mẹ. Vì vậy, gia đình cũng phải chịu trách nhiệm nếu đưa trẻ trở nên “hu hỏng” (Jacobvitz và cộng sự, 1996; Vuchinich, Bank và Patterson, 1992). Theo các tác giả này, yếu tố dự báo cho hành vi chống đối xã hội ở thanh thiếu niên là sự kỷ luật không phù hợp, không nhất quán hoặc thiếu kỷ luật trong suốt thời thơ ấu.

Nghiên cứu đối sánh của Glueck và Glueck (2003) trên 438 trẻ phạm tội ở trường giáo dưỡng và 442 trẻ không phạm tội, dựa trên thang tự báo cáo hành vi lệch chuẩn và bảng kiểm kê báo cáo của trẻ về hành vi làm cha mẹ, đã đưa ra kết quả, những đứa trẻ phạm tội thường ở trong các gia đình mà hành vi đặc trưng của cha mẹ là sự hỗ trợ yếu và sự kiểm soát lỏng lẻo (dẫn theo Born, 2003, tr. 110). Nghiên cứu của Patterson (2002) trên nhóm trẻ từ 15 đến 18 tuổi, sử dụng Bảng kiểm về các khía cạnh làm cha mẹ của Slate và Power (1987) cho thấy, các mối quan hệ cha mẹ được đặc trưng bởi sự cưỡng bức, sự chuyên quyền, sự xa cách, thù địch đều là những dấu hiệu của rối loạn trong gia đình, tạo nên những khó khăn cá nhân ở thanh thiếu niên (dẫn theo Born, 2003). Những thanh thiếu niên sống trong các môi trường gia đình như vậy đều có nguy cơ gia tăng các hành vi lệch chuẩn trong gia đình, trường học và ngoài xã hội như gây hấn, phá hoại tài sản, trộm cắp và sử dụng các chất kích thích (rượu, ma túy). Một mô hình cha mẹ cưỡng bức sẽ tạo ra những đứa trẻ thường xuyên nổi giận, chống đối quyết liệt, thô lỗ, không vâng lời, không kết nối được với cha mẹ, không thích ứng với xã hội (dẫn theo Born, 2003). Tương tự như vậy, Farrington và cộng sự (2003), thông qua bảng tự báo cáo hành vi lệch chuẩn của trẻ và hành vi làm cha mẹ, cho rằng, hành vi kiểm soát độc đoán quá nghiêm ngặt và hình phạt khắc nghiệt là chỉ báo quan trọng có liên quan đến mức độ cao của hành vi lệch chuẩn và chống đối xã hội ở thanh thiếu niên.

Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng sự gắn bó, sự hỗ trợ và sự gần gũi với cha mẹ trong suốt thời thơ ấu và giai đoạn thanh thiếu niên có những tác động có lợi cho sự phát triển, mang lại sự bảo vệ có ý nghĩa, giúp thanh thiếu niên

chống lại nỗi đau khổ tâm lý và những cam kết loại trừ hoặc giảm thiểu các hành vi lệch chuẩn (Brook và cộng sự, 1997). Ngược lại, sự kiểm soát tâm lý quá cao sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển tâm lý ở thanh thiếu niên và tạo điều kiện thuận lợi cho sự hình thành những hành vi tiêu cực như hành vi hung tính, gây hấn và hành vi kém thích nghi (Magnus và cộng sự, 1999 - dẫn theo Anderson, 2008). Liên quan đến thái độ dửng dưng và hành vi hỗ trợ thấp của cha mẹ, Barrera và Li (1996) khẳng định rằng điều này sẽ dẫn đến một số khó khăn của trẻ trong quá trình trưởng thành như cảm giác tự ti, lo âu, khả năng thích nghi xã hội kém.

Nghiên cứu của Barber và Harmon (2002) trên hàng ngàn trẻ vị thành niên ở Mỹ cho thấy, hành vi kiểm soát của cha mẹ có mối liên hệ với các hành vi tiêu cực của trẻ, bao gồm sự hung hăng, sự suy giảm về cảm xúc, trầm cảm và mức độ tự tin thấp hơn. Một nghiên cứu khác của nhóm tác giả Kim và Rohner trên 700 thanh thiếu niên người Mỹ gốc Hàn, bằng thang đo của John Bury (1990) (với độ tin cậy thấp nhất là 0,7 ở mỗi tiểu thang), cho thấy có mối quan hệ giữa hành vi kiểm soát quá cao và hành vi hỗ trợ âm áp của cha mẹ với thành tích học tập ở trường của con (Kim và Rohner, 2002). Có đến 74% thanh thiếu niên người Mỹ gốc Hàn trong diện khảo sát không hài lòng với hành vi của cha mẹ, 26% thanh thiếu niên được nuôi dưỡng bởi người cha độc đoán, kiểm soát cao có kết quả học tập ở trường cao hơn nhưng lại khiến trẻ phát sinh một số vấn đề có liên quan đến hành vi chống đối và cảm xúc lo âu ở trường học so với những thanh thiếu niên được nuôi dưỡng bởi người mẹ độc đoán. Kết quả cũng cho thấy, nếu chỉ xét trên khía cạnh kết quả học tập, thanh thiếu niên được nuôi dưỡng bởi những người cha có thẩm quyền/dân chủ không khiến trẻ đạt được thành tích học tập đáng kể so với những người cha hỗ trợ thấp (dễ dãi) hoặc kiểm soát cao (độc đoán).

Nghiên cứu của Nguyễn Thị Như Trang (2014), Lê Thanh Hà (2019) chỉ ra rằng sự xung đột giữa cha mẹ và con cái thường liên quan đến việc kỷ luật và thi hành kỷ luật. Việc trẻ khó chấp nhận và vứt bỏ kỷ luật thường có liên quan đến sự áp đặt của cha mẹ. Theo các tác giả, trong những gia đình mà cha mẹ và con có xung đột gay gắt, cha mẹ đã thi hành một chính sách độc đoán, kiểm soát tâm lý và hành vi của con một cách quá chặt chẽ.

Với những lý luận và thực tiễn trên, bài viết được thực hiện nhằm xem xét vai trò của các khía cạnh hành vi làm cha mẹ trong sự thay đổi mức độ hành vi lệch chuẩn ở thanh thiếu niên. Bên cạnh đó, một số biến độc lập như giới tính, kết quả học tập, tình trạng hôn nhân của bố mẹ, loại hình trường học... được đưa vào phân tích để giúp tìm ra mô hình dự báo cho các dạng hành vi lệch chuẩn. Giả thuyết về sự kiểm soát tâm lý chặt của cha mẹ liên quan tới mức độ lệch chuẩn hành vi cao ở thanh thiếu niên và mức độ hỗ trợ

cao của cha mẹ sẽ liên quan tới mức độ thấp của các dạng hành vi lệch chuẩn, sự kiểm soát hành vi của cha mẹ không có ý nghĩa dự báo đối với hành vi lệch chuẩn học đường ở thanh thiếu niên đã được đưa ra xem xét.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu này được tiến hành trên 705 học sinh; trong đó có 566 học sinh đang theo học tại một trường THPT công (chiếm 56,2%), một trường THPT tư (chiếm 24,1%) và 166 học sinh đang học tập tại một trường giáo dưỡng (chiếm 19,7%); số lượng học sinh nam chiếm 60,1% ($n = 424$). Số liệu được thu thập từ tháng 11 năm 2019 đến tháng 9 năm 2020. Có 65,2% số học sinh tham gia trả lời phiếu có gia đình đầy đủ, sống cùng bố mẹ; 34,8% số học sinh còn lại có bố mẹ ly thân, ly hôn hoặc bố/mẹ mất, bố mẹ đi làm xa... Học lực của học sinh phân bố khác nhau: 4,8% học sinh có kết quả học tập giỏi ($n = 34$), 24,4% học sinh có học lực trung bình và yếu ($n = 172$) và 70,8% học sinh có kết quả học tập khá ($n = 499$). Nghiên cứu được thực hiện theo lát cắt ngang, bằng phương pháp lấy mẫu thuận tiện.

2.2. Công cụ nghiên cứu

Vấn đề nghiên cứu được đo lường bởi hai thang đo:

Thang đo Hành vi làm cha mẹ gồm có 25 mệnh đề (item), trong đó: 23 mệnh đề thuộc thang đo do Barber, Stolz, Olsen, Collins và Burchinal (2005) và 2 mệnh đề do nhóm nghiên cứu thiết kế. Thang đo này là một công cụ tự báo cáo dành cho thanh thiếu niên, gồm 3 tiểu thang đo: Cha mẹ hỗ trợ tự chủ, Cha mẹ kiểm soát tâm lý và Cha mẹ kiểm soát hành vi, với độ tin cậy bên trong của toàn thang đo mô tả hành vi của người bố $\alpha = 0,65$ và của người mẹ $\alpha = 0,61$.

Tiểu thang Cha mẹ hỗ trợ tự chủ gồm 10 mệnh đề được xem xét lại từ Bảng kiểm Hành vi cha mẹ do trẻ tự báo cáo (Revised Child Report of Parent Behavior Inventory - CRPBI) (Schaefer, 1965; Schuldermann và Schuldermann, 1988) có $\alpha = 0,83$ và $\alpha = 0,79$.

Tiểu thang Cha mẹ kiểm soát tâm lý (Parental Psychological Control) gồm: 8 mệnh đề được trích xuất từ thang đo Kiểm soát tâm lý - bảng tự báo cáo dành cho thanh thiếu niên (Psychological Control Scale-Youth Self-Report - PCS-YSR; Barber, 1996) và 2 mệnh đề được nhóm nghiên cứu thiết kế thêm dựa trên ý kiến đề xuất của nhiều học sinh khi cho rằng đây là những hành vi khá quen thuộc ở bố mẹ: “*Thường khiến em tổn thương mỗi khi em không đạt kết quả tốt hay có những sai phạm*” và “*Thường nói những lời phủ nhận khiến*

em cảm thấy tự ti về bản thân và bi quan về tương lai". Độ tin cậy bên trong của tiêu thang này dành cho bố: $\alpha = 0,71$ và dành cho mẹ: $\alpha = 0,81$.

Tiêu thang Cha mẹ kiểm soát hành vi sử dụng 5 mệnh đề được vay mượn trong nghiên cứu về gia đình thanh thiếu niên của Barber, Stolz, Olsen, Collins và Burchinal (2005), có hệ số Alpha của Cronbach đối với bố là: $\alpha = 0,67$ và ở mẹ là: $\alpha = 0,62$. Các câu trả lời dựa trên thang Likert 3 mức: Không giống bố (mẹ)/Hoàn toàn không biết - 1 điểm; Khá giống bố (mẹ)/Biết một chút - 2 điểm; Rất giống bố (mẹ)/Biết rất rõ - 3 điểm.

Bảng kiểm Hành vi lệch chuẩn do thanh thiếu niên tự báo cáo (Adolescent-Reported Deviant Behaviors Checklist) mô tả 37 hành vi có vấn đề ở học sinh THPT Việt Nam. Trong đó: 27 mệnh đề được lựa chọn từ các thang tự báo cáo về hành vi phạm pháp quốc tế (xem Elliot, Huizinga và Ageton, 1985; Junger-Tas, Terlouw và Klein, 1994; Ni-He và Marshall, 2012), 10 hành vi do nhóm nghiên cứu thiết kế, dựa trên những quy tắc về hành vi ứng xử do Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam ban hành và sự tham khảo ý kiến của các chuyên gia, giáo viên chủ nhiệm và học sinh về các hành vi có vấn đề xảy ra ở nhà trường. Độ tin cậy bên trong của toàn thang đo là: $\alpha = 0,95$. Thang đo này bao gồm 4 tiêu thang, gồm: 1/ Các hành vi vi phạm nội quy học tập và các quy định khác trong nhà trường ($\alpha = 0,92$); 2/ Các hành vi liên quan đến giao tiếp, ứng xử trong trường học ($\alpha = 0,84$); 3/ Các hành vi bắt nạt gián tiếp và trực tiếp tại trường học ($\alpha = 0,85$) và 4/ Các hành vi liên quan đến tính dục ($\alpha = 0,78$). Các câu trả lời được xây dựng dựa trên thang đo Likert 4 điểm: Không bao giờ - 1 điểm; Hiếm khi (1 - 2 lần trong năm) - 2 điểm; thỉnh thoảng (3 - 5 lần trong năm) - 3 điểm; Thường xuyên (trên 5 lần trong năm) - 4 điểm.

2.3. Phân tích thống kê

Các khía cạnh của hành vi làm cha mẹ và các nhóm hành vi lệch chuẩn được xem xét và kiểm định bởi phương pháp phân tích nhân tố khẳng định. Theo đó, những biến thiên chuẩn được trích xuất theo số lượng các phương sai được giải thích và do vậy, một biến chuẩn sẽ giống như một nhân tố xuất hiện trong phân tích nhân tố khẳng định. Hệ số tải được sử dụng là 0,40.

Để đánh giá mối quan hệ tổng thể giữa hành vi làm cha mẹ và hành vi lệch chuẩn của thanh thiếu niên, nhóm nghiên cứu sử dụng các phân tích tương quan chuẩn. Mô hình hồi quy tuyến tính với phép thống kê stepwise được sử dụng để phân tích sự biến thiên của các hành vi lệch chuẩn học đường ở thanh thiếu niên khi có sự tác động của các khía cạnh hành vi làm cha mẹ và một số yếu tố có liên quan. Các giá trị khuyết thiếu được đưa ra khỏi các phân tích.

3. Kết quả nghiên cứu và bình luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

So với các kết quả nghiên cứu do Barber và cộng sự công bố năm 2005 (tương quan giữa các tiêu thang đo trải từ 0,30 đến 0,60), tương quan giữa các tiêu thang đo hành vi làm cha/mẹ trong nghiên cứu này đều thấp hơn nhưng vẫn đảm bảo các chiều hướng thuận (khía cạnh hỗ trợ tự chủ đối với khía cạnh kiểm soát hành vi), nghịch (khía cạnh hỗ trợ đối với khía cạnh kiểm soát tâm lý, khía cạnh kiểm soát tâm lý đối với khía cạnh kiểm soát hành vi) giữa các khía cạnh của hành vi làm cha mẹ; trong đó, khía cạnh hỗ trợ tự chủ, kiểm soát hành vi của bố có tương quan khá chặt với những khía cạnh này ở mẹ, các tương quan còn lại đều là những tương quan yếu nhưng có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa $p < 0,01$ (bảng 1).

Liên quan tới hành vi lệch chuẩn học đường ở thanh thiếu niên, mẫu khách thể trong nghiên cứu này báo cáo mức độ cao có ý nghĩa của hành vi lệch chuẩn học đường nói chung ($M = 70,61$; $MD = 63,00$) và của các nhóm hành vi lệch chuẩn học đường nói riêng. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Gonzalez và cộng sự (2014) về hành vi phạm tội và hành vi chống đối xã hội ở thanh thiếu niên khi xem xét trong môi trường trường học.

Sáu phân tích hồi quy đa biến sau đây được thực hiện để đánh giá khả năng dự báo của các biến số hành vi làm cha mẹ (các biến độc lập) cho mức độ xuất hiện các dạng hành vi lệch chuẩn (các biến phụ thuộc). Ngoài các biến độc lập là các khía cạnh hành vi làm cha mẹ, năm biến độc lập khác cũng được đưa vào phân tích, gồm: kết quả học tập trong năm học, loại hình trường học, giới tính, thứ tự con trong gia đình và tình trạng hôn nhân của bố mẹ.

Ở mô hình đầu tiên, với biến phụ thuộc là hành vi lệch chuẩn chung ở thanh thiếu niên, chỉ có hai khía cạnh hành vi ở bố và ở mẹ có giá trị dự báo cho 46,1% sự biến thiên của biến phụ thuộc (với $\Delta F_{(1, 700)} = 21,242$; $p < 0,001$), gồm khía cạnh hỗ trợ tự chủ và kiểm soát tâm lý; trong đó khía cạnh hành vi hỗ trợ từ mẹ có khả năng dự báo nhiều nhất sự giảm các hành vi lệch chuẩn ở thanh thiếu niên ($\beta = -0,440$; $t = -13,239$). Phép thống kê stepwise được sử dụng trong mô hình này cho thấy sự thêm vào của từng khía cạnh hành vi làm cha mẹ sẽ làm gia tăng có ý nghĩa sự biến thiên của hành vi lệch chuẩn theo trình tự: hành vi kiểm soát tâm lý từ mẹ, hành vi kiểm soát tâm lý từ bố và hành vi hỗ trợ tự chủ của bố, với tỷ lệ được giải thích từ 36% (có 1 biến độc lập) đến 46% ở mô hình cuối cùng (có 4 biến độc lập).

Bảng 1: Điểm trung bình, độ lệch chuẩn, điểm trung vị và hệ số tương quan của các thang đo/tiểu thang đo trong nghiên cứu

	SF	PCF	BCF	SM	PCM	BCM	DB	DB1	DB2	DB3	DB4
SF	-	-0,19**	0,17**	0,53**	-0,32**	0,29**	-0,47**	-0,42**	0,45**	-0,45**	-0,45**
PCF		-	-0,19**	-0,26**	0,53**	-0,26**	0,39**	0,34**	0,41**	0,37**	0,39**
BCF			-	0,24**	-0,27**	0,57**	-0,24**	-0,19**	-0,25**	-0,24**	-0,29**
SM				-	-0,25**	0,25**	-0,60**	-0,55**	-0,61**	-0,52**	-0,60**
PCM					-	-0,31**	0,40**	0,33**	0,40**	0,42**	0,41**
BCM						-	-0,27**	-0,23**	-0,26**	-0,28**	-0,32**
DB							-	0,96**	0,95**	0,91**	0,84**
DB1								-	0,86**	0,80**	0,72**
DB2									-	0,86**	0,80**
DB3										-	0,78**
DB4											-
M	17,99	17,71	8,54	17,83	22,07	8,62	70,61	35,95	15,09	11,74	7,83
SD	4,81	3,89	2,54	4,34	5,11	2,46	23,06	11,38	5,54	4,64	3,14
MD	18,00	17,00	8,00	18,00	22,00	8,00	63,00	33,00	13,00	10,00	7,00

Ghi chú: **: Tương quan có ý nghĩa ở mức 0,01 (2-tailed); M: Điểm trung bình; SD: Độ lệch chuẩn; MD: Điểm trung vị.

SF: Bộ hỗ trợ tự chủ

SM: Mẹ hỗ trợ tự chủ

DB1: Hành vi vi phạm nội quy nhà trường

DB3: Hành vi bắt nạt trong

PCF: Bộ kiểm soát tâm lý

PCM: Mẹ kiểm soát tâm lý

DB2: Hành vi lệch chuẩn liên quan đến

và ngoài trường

BCF: Bộ kiểm soát hành vi

BCM: Mẹ kiểm soát hành vi

giao tiếp, ứng xử

DB4: Hành vi lệch chuẩn

DB: Hành vi lệch chuẩn chung

liên quan đến tính dục

Bảng 2: Mô hình hồi quy tuyến tính đa biến với biến phụ thuộc là hành vi lệch chuẩn chung ở thanh thiếu niên

Các biến số dự báo	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa β	t	p
	B	SE			
Hằng số	57,181	5,470	-	10,454	< 0,001
Mẹ hỗ trợ tự chủ	-1,215	0,148	-0,229	-8,226	< 0,001
Loại hình trường học	11,426	0,764	0,392	14,948	< 0,001
Mẹ kiểm soát tâm lý	0,854	0,119	0,189	7,185	< 0,001
Kết quả học tập trong năm	-6,330	1,147	-0,138	-5,520	< 0,001
Bố hỗ trợ tự chủ	-0,748	0,128	-0,156	-5,824	< 0,001
Bố kiểm soát tâm lý	0,769	0,155	0,130	4,964	< 0,001
Giới tính	2,545	1,122	0,054	2,267	0,024
Tình trạng hôn nhân của bố mẹ	1,621	0,705	0,057	2,298	0,022
Thứ tự con trong gia đình	1,520	0,704	0,048	2,157	0,031
	R ²		0,683		
	ΔR^2		0,679		
	$\Delta F(1, 695)$		4,654		
	p		0,031		
	Durbin Watson		1,906		

Khi thêm vào năm biến độc lập khác, khả năng dự báo của các khía cạnh hành vi làm cha mẹ thay đổi và làm gia tăng sự biến thiên của hành vi lệch chuẩn chung ở thanh thiếu niên. Các dữ liệu ở mô hình hồi quy thứ hai (bảng 2) giải thích 67,9% sự biến thiên của hành vi lệch chuẩn chung ($\Delta F_{(1, 695)} = 4,654$; $p = 0,031$); trong đó khía cạnh hỗ trợ tự chủ từ mẹ vẫn là biến số có khả năng dự báo nhiều nhất ($\beta = -0,229$; $t = -8,226$; $p < 0,05$). Sự gia tăng tỷ lệ biến thiên của hành vi lệch chuẩn trải từ 36% đến 67,9% khi có sự thêm vào lần lượt của các biến độc lập theo trình tự: Loại hình trường học -> Sự kiểm soát tâm lý của mẹ -> Kết quả học tập trong năm -> Sự hỗ trợ tự chủ từ bố -> Sự kiểm soát tâm lý từ bố -> Yếu tố giới tính của thanh thiếu niên -> Tình trạng hôn nhân của bố mẹ và thứ tự con trong gia đình.

Bảng 3: Mô hình hồi quy tuyến tính đa biến với biến phụ thuộc là hành vi vi phạm nội quy nhà trường của thanh thiếu niên

Các biến số dự báo	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa β	t	p
	B	SE			
Hằng số	31,773	2,725	-	11,660	< 0,001
Loại hình trường học	6,476	0,401	0,451	16,151	< 0,001
Mẹ hỗ trợ tự chủ	-0,529	0,080	-0,202	-6,604	< 0,001
Mẹ kiểm soát tâm lý	0,333	0,065	0,150	5,112	< 0,001
Bố hỗ trợ tự chủ	-0,364	0,071	-0,154	-5,153	< 0,001
Kết quả học tập trong năm	-2,504	0,627	-0,111	-3,994	< 0,001
Bố kiểm soát tâm lý	0,306	0,085	0,104	3,617	< 0,001
Tình trạng hôn nhân của bố mẹ	0,957	0,384	0,069	2,489	0,013
	ΔR^2		0,603		
	$\Delta F(1, 697)$		6,197		
	p		0,013		
	Durbin Watson		1,993		

Sự thay đổi của nhóm các hành vi vi phạm nội quy nhà trường được dự báo bởi các khía cạnh hỗ trợ và kiểm soát tâm lý trong hành vi làm cha mẹ cùng với biến số loại hình trường học, thành tích học tập trong năm và tình trạng hôn nhân của bố mẹ. Theo đó, các biến độc lập này lý giải cho 60,3% sự thay đổi các hành vi vi phạm nội quy, quy tắc do nhà trường đặt ra ($\Delta F(1, 697) = 6,197$; $p = 0,013$) (bảng 3).

Trong mô hình được thể hiện ở bảng 3, các khía cạnh của hành vi làm cha mẹ không phải là biến số dự báo nhiều nhất và trước tiên cho sự thay đổi của các hành vi vi phạm nội quy học đường. Loại hình trường học là biến số đầu tiên được đưa vào mô hình để phân tích và lý giải được 35% sự giảm thiểu các hành vi vi phạm nội quy trường học ($\beta = 0,451$; $t = 16,151$; $p < 0,05$).

Xem xét sự biến đổi mức độ của các hành vi lệch chuẩn liên quan đến giao tiếp, ứng xử ở trường học, các số liệu ở bảng 4 cho thấy 66,2% sự biến thiên của nhóm hành vi này ($\Delta F(1, 696) = 4,409$; $p = 0,036$) được dự báo nhiều nhất bởi khía cạnh hành vi hỗ trợ cao của mẹ ($\beta = -0,261$; $t = -9,244$; $p < 0,05$).

Bảng 4: Mô hình hồi quy tuyến tính đa biến với biến phụ thuộc là hành vi lệch chuẩn liên quan đến giao tiếp ứng xử ở thanh thiếu niên

Các biến số dự báo	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa β	t	p
	B	SE			
Hằng số	11,603	1,339	-	8,664	< 0,001
Mẹ hỗ trợ tự chủ	-0,333	0,036	-0,261	-9,244	< 0,001
Loại hình trường học	2,744	0,179	0,392	15,368	< 0,001
Mẹ kiểm soát tâm lý	0,195	0,029	0,180	6,672	< 0,001
Kết quả học tập trong năm	-1,415	0,283	-0,129	-5,005	< 0,001
Bố kiểm soát tâm lý	0,229	0,038	0,161	6,052	< 0,001
Bố hỗ trợ tự chủ	-0,147	0,032	-0,128	-4,653	< 0,001
Giới tính	0,729	0,275	0,065	2,653	0,008
Thứ tự con trong gia đình	0,364	0,173	0,047	2,100	0,036
	ΔR^2		0,662		
	$\Delta F(1, 696)$		4,409		
	p		0,036		
	Durbin Watson		1,881		

Bảng 5: Mô hình hồi quy tuyến tính đa biến với biến phụ thuộc là hành vi bất nạt trong và ngoài trường ở thanh thiếu niên

Các biến số dự báo	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa β	t	p
	B	SE			
Hằng số	10,666	1,281	-	8,325	< 0,001
Mẹ hỗ trợ tự chủ	-0,203	0,036	-0,190	-5,657	< 0,001
Mẹ kiểm soát tâm lý	0,203	0,029	0,224	6,926	< 0,001
Loại hình trường học	1,744	0,168	0,298	10,354	< 0,001
Kết quả học tập trong năm	-1,372	0,283	-0,149	-4,842	< 0,001
Bố hỗ trợ tự chủ	-0,168	0,032	-0,174	-5,276	< 0,001
Bố kiểm soát tâm lý	0,125	0,038	0,105	3,305	0,001
Thứ tự con trong gia đình	0,374	0,173	0,058	2,154	0,032
	ΔR^2		0,513		
	$\Delta F(1, 697)$		4,638		
	p		0,032		
	Durbin Watson		1,915		

Các số liệu ở bảng 5 mô tả các phân tích hồi quy tuyến tính với biến phụ thuộc là nhóm các hành vi bất nạt của thanh thiếu niên ở trong và ngoài khuôn viên nhà trường. Trong mô hình thứ năm này, các biến độc lập giải thích được 51,3% sự thay đổi mức độ của các hành vi bất nạt bạn bè và những người khác ở trong trường cũng như ngoài trường ($\Delta F_{(1, 696)} = 4,409$; $p = 0,036$). Trong đó, sự hỗ trợ yếu ($\beta = -0,190$; $t = -5,657$; $p < 0,05$), sự kiểm soát tâm lý chặt ($\beta = 0,224$; $t = 6,926$; $p < 0,05$) của mẹ dự báo nhiều nhất cho sự thay đổi của nhóm hành vi lệch chuẩn này (khoảng 35,8%). Yếu tố giới tính và tình trạng hôn nhân của bố mẹ không tham gia vào mô hình dự báo.

Bảng 6: Mô hình hồi quy tuyến tính đa biến với biến phụ thuộc là hành vi lệch chuẩn liên quan đến tính dục ở thanh thiếu niên

Các biến số dự báo	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa β	t	p
	B	SE			
Hằng số	6,391	0,831	-	7,686	< 0,001
Mẹ hỗ trợ tự chủ	-0,194	0,022	-0,267	-8,620	< 0,001
Loại hình trường học	0,897	0,116	0,226	7,724	< 0,001
Mẹ kiểm soát tâm lý	0,121	0,018	0,197	6,694	< 0,001
Kết quả học tập trong năm	-1,030	0,174	-0,165	-5,907	< 0,001
Giới tính	0,676	0,171	0,105	3,960	< 0,001
Bố kiểm soát tâm lý	0,101	0,024	0,126	4,311	< 0,001
Bố hỗ trợ tự chủ	-0,071	0,020	-0,109	-3,639	< 0,001
Thứ tự con trong gia đình	0,362	0,107	0,083	3,379	0,001
Tình trạng hôn nhân của bố mẹ	0,294	0,107	0,076	2,743	0,006
	ΔR^2		0,601		
	$\Delta F(1, 695)$		7,526		
	p		0,006		
	Durbin Watson		1,809		

Cuối cùng, cả chín biến dự báo đều tham gia vào mô hình phân tích hồi quy với biến phụ thuộc là hành vi lệch chuẩn liên quan đến tính dục ở thanh thiếu niên (bảng 6). Các biến độc lập giải thích 60% sự thay đổi của nhóm hành vi lệch chuẩn này ($\Delta F_{(1, 695)} = 7,526$; $p = 0,006$). Giống với hầu hết các nhóm hành vi lệch chuẩn đã được phân tích trước đó, khía cạnh hành vi hỗ trợ tự chủ của mẹ có khả năng dự báo nhiều nhất sự biến thiên mức độ các hành vi

lệch chuẩn liên quan đến tính dục (khoảng 36%, với $\beta = -0,267$; $t = -8,620$; $p < 0,05$). Ba yếu tố loại hình trường học, kết quả học tập trong năm và giới tính là ba biến có liên quan nhiều hơn, kết hợp với bốn biến hành vi làm cha mẹ giải thích đến 59,2% sự biến thiên của các hành vi lệch chuẩn liên quan đến tính dục ở thanh thiếu niên.

3.2. Bàn luận

Việc xem xét thêm những nhân tố mang tính dự báo (như kết quả học tập trong năm, tình trạng hôn nhân của bố mẹ, giới tính của trẻ, thứ tự con trong gia đình, môi trường học tập) trong sự tác động của các khía cạnh hành vi làm cha mẹ tới sự thay đổi mức độ cao - thấp của các hành vi lệch chuẩn học đường nói chung, các nhóm hành vi lệch chuẩn cụ thể đã khẳng định giả thuyết của nghiên cứu. Đó là: Hành vi hỗ trợ cao từ phía bố và mẹ dự báo sự giảm đi các hành vi lệch chuẩn học đường nói chung, các dạng hành vi cụ thể lệch ra khỏi những quy định, nguyên tắc, chuẩn mực của nhà trường nói riêng; sự kiểm soát tâm lý chặt từ phía bố và mẹ sẽ dự báo gia tăng hành vi lệch chuẩn trong môi trường trường học. Khía cạnh kiểm soát hành vi của cả bố và mẹ không tham gia dự báo cho sự thay đổi của hành vi lệch chuẩn của thanh thiếu niên. Trong các biến độc lập được đưa vào phân tích, ngoại trừ khía cạnh hành vi hỗ trợ tự chủ từ bố mẹ và biến số về thành tích học tập trong năm dự báo ngược chiều sự thay đổi hành vi lệch chuẩn học đường, các biến số còn lại (loại hình trường học, hành vi kiểm soát tâm lý của bố và mẹ, giới tính, tình trạng hôn nhân của bố mẹ và thứ tự con trong gia đình) đều dự báo tăng hành vi lệch chuẩn khi những biến số này gia tăng. Điều này có nghĩa, những học sinh đang theo học ở trường giáo dưỡng, là nam giới, gia đình ly tán, ít con sẽ có các hành vi lệch chuẩn nói chung ở mức cao.

Sự hỗ trợ cao của bố mẹ, sự kiểm soát tâm lý ở mức thấp, kết quả học tập cao hơn, gia đình đoàn tụ sẽ có tác động làm giảm mức độ vi phạm các nguyên tắc của nhà trường ở học sinh. Sự xuất hiện của các biến độc lập dự báo cho sự thay đổi mức độ của các hành vi lệch chuẩn có liên quan đến giao tiếp, ứng xử, cho thấy vai trò quan trọng của giáo dục gia đình, đặc biệt là của bố mẹ (hỗ trợ mạnh, kiểm soát lỏng tạo nên phong cách dân chủ trong giáo dục con cái) và các mô hình giáo dục trường học cũng như những thành tích đạt được ở trường trong việc hình thành khả năng tương tác, giao tiếp xã hội của thanh thiếu niên trong những môi trường/bối cảnh xã hội cụ thể. Mức độ hành vi bất nạt của thanh thiếu niên đối với bạn bè trong và ngoài trường, hành vi lệch chuẩn liên quan đến tính dục cao bắt nguồn từ sự kiểm soát chặt chẽ, sự hỗ trợ yếu của cả bố và mẹ, ở những thanh thiếu niên có kết quả tập thấp hơn và không theo học trường công thuộc sự quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo (chủ yếu được báo cáo ở những học sinh học tại trường giáo dưỡng).

Như vậy, hành vi lệch chuẩn học đường nói chung, các dạng hành vi lệch chuẩn học đường cụ thể ở thanh thiếu niên thường chịu sự tác động nhiều nhất từ người mẹ có sự pha trộn giữa khía cạnh hỗ trợ tự chủ và kiểm soát tâm lý; có nghĩa là: khi người mẹ hỗ trợ nhiều cho con nhưng đồng thời kiểm soát con lỏng lẻo về mặt tâm lý - mô hình giáo dục tự do, không khuyến khích trừng phạt, có sự giải thích về các nguyên tắc gia đình, cho phép trẻ tự do điều chỉnh những hoạt động của bản thân, không cản trở hoặc ít gây cản trở đối với hành vi của trẻ (Baumrind, 1991; Darling và Steinberg, 1993 - dẫn theo Born, 2003) - các hành vi lệch chuẩn học đường của thanh thiếu niên được giảm thiểu. Tỷ lệ này thấp hơn đối với hành vi hỗ trợ và kiểm soát tâm lý mà người bố đem lại.

Xem xét so sánh với nghiên cứu của Luru Song Hà (2005), có thể thấy kết quả của nghiên cứu này tương đồng với quan điểm cho rằng cha mẹ đối xử với con theo chiều hướng dân chủ, hỗ trợ. Tuy nhiên, trên thực tế, trong những lý giải ở góc độ văn hóa, yếu tố kiểm soát tâm lý chặt của bố mẹ vẫn được thể hiện rõ nét ở những dòng họ, gia tộc lớn, nơi mà tính “tôn ti trật tự” luôn được đề cao và do đó, sự giáo dục của bố mẹ, người lớn đối với trẻ vẫn mang nặng tính kiểm soát tinh thần, cho dù là hỗ trợ mạnh hay yếu. Barber và cộng sự (2005) cho rằng nhiều cha mẹ đã “nhân danh tình yêu thương” để kiểm soát và thao túng, vùi dập, nhiếc móc, phỉ báng, kiểm soát, bạo hành cả thể xác và tinh thần của con và coi đó là cách tốt nhất để con cái trở thành người như cha mẹ mong muốn. Tuy nhiên, đây là kiểu giáo dục độc đoán, dựa trên sự trừng phạt - gây cảm giác sợ hãi cho con. Vì thế, hiệu quả mà cha mẹ nhận được là hoàn toàn ngược lại, khiến cho trẻ căng thẳng, tức giận, ám ức, có thể phản kháng và trả thù lại cha mẹ bằng những hành vi phá phách ở nhà và trường học (Born, 2003).

4. Kết luận

Các nghiên cứu về mối quan hệ giữa hành vi làm cha mẹ và những hành vi có vấn đề của thanh thiếu niên đã cho thấy các khía cạnh hành vi làm cha mẹ tiêu cực như kiểm soát quá cao, thờ ơ, bỏ mặc, hành vi hỗn hợp... là những nhân tố dự báo có ảnh hưởng trực tiếp đến các hành vi lệch chuẩn của thanh thiếu niên như gây hấn, bắt nạt và các dạng rối loạn hành vi khác. Đặc biệt, hành vi giáo dục của người mẹ có khả năng dự báo cao nhất các hành vi của thanh thiếu niên. Đây là những bằng chứng để thêm một lần nữa khẳng định rằng, gia đình, đặc biệt là cha mẹ, các khía cạnh hành vi làm cha mẹ hay mô hình giáo dục của cha mẹ có ảnh hưởng mạnh mẽ đến các khía cạnh tích cực cũng như tiêu cực trong sự phát triển của trẻ. Do vậy, cần phải có những giải pháp tác động làm thay đổi phương thức hành vi của cha mẹ, để từ đó làm giảm thiểu các hành vi lệch chuẩn, các hành vi có vấn đề ở thanh thiếu niên nói chung, ở học sinh THPT nói riêng. Nghiên cứu này làm tiền đề cho những nghiên cứu chuyên sâu hơn về sự tác động của từng khía cạnh hành vi làm cha mẹ đến hành vi lệch chuẩn ở trẻ, với sự tham gia của một số biến điều tiết/ trung gian.

Chú thích:

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Quốc gia Hà Nội trong đề tài: *Anh hưởng của giáo dục gia đình đến hành vi lệch chuẩn của thanh thiếu niên*; Mã số: QG.19.38; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn chủ trì; PGS.TS. Trần Thu Hương làm chủ nhiệm đề tài.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Trương Thị Khánh Hà (2013). *Giáo trình Tâm lý học phát triển*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Lưu Song Hà (2005). *Hành vi lệch chuẩn của học sinh trung học cơ sở và mối tương quan giữa nó với kiểu quan hệ cha mẹ - con cái*. Luận án Tiến sỹ Tâm lý học. Viện Tâm lý học. Hà Nội.
3. Lê Thanh Hà (2019). *Mối quan hệ giữa cha mẹ - con và hành vi bất nạt của học sinh trung học cơ sở*. Tạp chí Tâm lý học xã hội. Số 3. Tr. 94 - 105.
4. Nguyễn Thị Như Trang (2014). *Vai trò kiểm soát của gia đình đối với hành vi lệch chuẩn của vị thành niên*. Kỷ yếu Hội thảo: Người chưa thành niên vi phạm pháp luật: Thực trạng và giải pháp. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Tr. 201 - 212.

Tài liệu tiếng Anh

5. Anderson L.S. (2008). *Predictors of parenting stress in a diverse sample of parents of early adolescents in high-risk communities*. Nurs Res. Vol. 57 (5). P. 340 - 350. DOI: 10.1097/01.NNR.0000313502.92227.87.
6. Barber B.K. (1996). *Parental psychological control: Revisiting a neglected construct*. Child Development. Vol. 67 (6). P. 3.296 - 3.319.
7. Barber B.K. and Harmon E.L. (2002). *Violating the self: Parental psychological control of children and adolescents*. In B.K. Barber (ed.). *Intrusive parenting: How psychological control affects children and adolescents*. P. 15 - 52. American Psychological Association. DOI: 10.1037/10422-002.
8. Barber B.K., Stolz H.E., Olsen J.A., Collins W.A. and Burchinal M. (2005). *Parental support, psychological control, and behavioral control: Assessing relevance across time*. Culture. s4. Ed. Wiley. pp. i+v+vii+1-147.
9. Barrera M. and Li S.A. (1996). *The relation of family support to adolescent's psychological distress and behavior problem*. In G.R. Pierce, B.R Sarason and I.G. Sarason (eds). *Handbook of social support and the family*. New York: Plenum Press.
10. Bolu-Steve F.N. and Esere M.O. (2017). *Strategies for managing deviant behavior among in-school adolescents as expressed by secondary school counsellors*

in Kwara State, Nigeria. *Inkanyiso Journal of Humanities and Social Sciences*. Vol. 9. No. 1. P. 87 - 98.

11. Born M. (2003). *Psychologie de la délinquance*. Ed. De Boeck.

12. Brook J.S., Wh M., Balka E.B. and Cohen P. (1997). *Drug use and delinquency: Shared and unshared risk factors in African American and Puerto Rican adolescents*. *The Journal of Genetic Psychology*. Vol. 158. P. 25 - 39.

13. Elliott D.S., Huizinga D. and Ageton S.S. (1985). *Explaining delinquency and drug use*. USA: Sage Publications.

14. Farrington D. (1989). *Later adult life outcomes of offenders and nonoffenders*. In M. Brambling, F. Losel, H. Skowronek (ed.). *Children at risk: Assessment, longitudinal research, and intervention*. P. 220 - 244. New York: Walter de Gruyter.

15. Farrington D.P. and Coid J.W. (eds.) (2003). *Early prevention of adult antisocial behaviour*. USA: Cambridge University Press.

16. Gonzalez R., Mandracchia J.T., Nicholson B. and Dahlen E. (2014). *Exploring parenting as a predictor of criminogenic thinking in college students*. *International Journal Offender Therapy and Comparative Criminology*. Vol. 58 (9). USA: Sage Publications. P. 1.081 - 1.100. DOI: 10.1177/0306624X113487523.

17. Hall G.S. (1904). *Adolescence: Its psychology and its relations to physiology, anthropology, sociology, sex, crime, religion and education*. Vol. 1. D Appleton & Company. DOI: 10.1037/10616-000.

18. Idris O. (2016). *Causes of deviant behavior among in-school adolescents in Lagos*. Unpublished M. Ed Project Submitted to the Department of Educational Foundation. Lagos State University.

19. Jacobvitz D.B and Bush N.F. (1996). *Reconstructions of family relationships: Parent-child alliances, personal distress, and self-esteem*. Special issue: Family relationships and the self. *Developmental Psychology*. Vol. 32. No. 4. P. 732 - 743.

20. Junger-Tas J., Terlouw G.J. and Klein M.W. (1994). *Delinquent behavior among young people in the western world. First results of the international self-report delinquency study*. Amsterdam: Kugler publications.

21. Kim K. and Rohner R.P. (2002). *Parental warmth, control, and involvement in schooling: Predicting academic achievement among Korean American adolescents*. *Journal of Cross-Cultural Psychology*. Vol. 33 (2). P. 127 - 140. DOI: 10.1177/0022022102033002001.

22. Laird R.D. and Frazer A.L. (2019). *Psychological reactance and negative emotional reactions in the link between psychological control and adolescent adjustment*. *Social Development*. Vol. 29 (1). P. 159 - 177. Wiley. DOI: 10.1111/sode.12407.

23. Ni-He and Marshall I.H. (2012). *A multi-city assessment of juvenile delinquency in the U.S.: A continuation and expansion of the international self-report delinquency study (ISRSD)*. 2006IJCX0045/ISRSD-2 US Final Technical Report. This document is a research report submitted to the U.S. Department of Justice.
24. Orsati F.T. and Causton-Theoharis J. (2013). *Challenging control: Inclusive teachers' and teaching assistants' discourse on students with challenging behaviour*. International Journal of Inclusive Education. Vol. 17. No. 5. P. 507 - 525.
25. Sanches C., Gouveia-Pereira M, Maroco J., Gomes H. and Roncon F. (2016). *Deviant behavior variety scale: Development and validation with a sample of Portuguese adolescents*. Psicologia: Reflexao e Critica. 29 : 31. Springer Open. DOI: 10.1186/s41155-016-0035-7.
26. Schaefer E.S. (1965). *Children's reports of parental behavior: An inventory*. Child Development. Vol. 36. P. 413 - 424.
27. Schuldermann S., Schuldermann E. (1988). *Questionnaire for children and youth (CRPBI-30)*. Unpublished manuscript. University of Manitoba. Winnipeg, Canada.
28. Snyder H.N. and Sickmund M. (1995). *Juvenile offenders and victims: A national report*. Washington. DC. Office of Juvenile Justice and Delinquency Prevention.
29. Vieno A., Gini G., Santinello M., Lenzi M. and Nation M. (2011). *Violent behavior and unfairness in school: Multilevel analysis of Italian schools*. Journal of Community Psychology. Vol. 39. No. 5. P. 534 - 550.
30. Vuchinich S., Bank L. and Patterson G.R. (1992). *Parenting, peers, and the stability of antisocial behavior in preadolescent boys*. Developmental Psychology. Vol. 28 (3). P. 510 - 521. DOI: 10.1037/0012-1649.28.3.510.